

# Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gia tăng của ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam

VŨ THỊ NHƯNG\*

Dựa trên cơ sở lý luận của các nghiên cứu đi trước về động cơ dẫn đến sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài vào một quốc gia, bài viết tiến hành nghiên cứu thực nghiệm các nhân tố ảnh hưởng đến việc ngân hàng nước ngoài quyết định đầu tư vào Việt Nam. Từ đó, đưa ra các kiến nghị cần thiết đối với các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Động cơ để các ngân hàng nước ngoài quyết định xâm nhập, đầu tư vào một quốc gia khác là gì? Các học giả nước ngoài đã có nhiều nghiên cứu khác nhau và đưa ra những kết quả nhất định. Dunning (1973, 1980, 1981, 1986, 1988, 1993) đã tổng hợp các yếu tố chính từ những công trình lý giải vấn đề này, xây dựng một mô hình khá đầy đủ, quy nạp lại 3 điều kiện để một ngân hàng nước ngoài tiến hành xâm nhập đầu tư vào một nước. Đó là mô hình OLI: Ownership advantages (lợi thế về sở hữu), Location advantages (lợi thế địa điểm) và Internalization advantages (lợi thế nội bộ). Trong đó, lợi thế địa điểm là những lợi thế về môi trường đầu tư, lợi thế tự nhiên của nước chủ nhà để thu hút ngân hàng nước ngoài đầu tư vào. Janek Uiboupin (2005) áp dụng thực tế trong hoàn cảnh chính sách tự do hóa tài chính quốc tế phát triển mạnh mẽ ở hầu hết các nước, trên cơ sở lý thuyết của mô hình OLI, đưa ra mô hình FL + OLI, bổ sung thêm các nhân tố ảnh hưởng đến sự xâm nhập của nước ngoài: khủng hoảng tài chính ở nước chủ nhà và chính sách tài chính mở cửa của nước chủ nhà.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đến nay, đa số các nghiên cứu thực nghiệm đều dựa trên cơ sở lý thuyết của mô hình OLI. Do đối tượng nghiên cứu,

nhân tố lựa chọn khác nhau, nên kết quả đưa ra cũng khác nhau.

Căn cứ thống kê về hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng nước ngoài bao gồm 4 hình thức cơ bản: ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài. Bài viết lấy 4 hình thức ngân hàng nước ngoài nêu trên làm đối tượng nghiên cứu.

Bài viết thực hiện hồi quy OLS và phần mềm SPSS tiến hành nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam với biến phụ thuộc là: số lượng ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam ZCC, biến độc lập bao gồm: FDI, IM, EX, GDP và ZC (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dựa trên kết quả từ các nghiên cứu của các tác giả khác nhau được nêu ở phần cơ sở lý luận, kết hợp với tình hình thực tế tại Việt Nam, tác giả bài viết cho rằng các nhân tố: nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, kim ngạch xuất - nhập khẩu có quan hệ mật thiết đến sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài. Đồng thời, cơ hội thị trường và chính sách tài chính của Việt Nam cũng là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đầu tư vào Việt Nam của các ngân hàng nước ngoài. Vì thế, phương trình hồi quy tuyến tính được đưa ra như sau:

$$ZCC = \beta + \beta_1 FDI + \beta_2 IM + \beta_3 EX + \beta_4 GDP + \beta_5 ZC$$

Trong đó: ZCC là tổng số ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

FDI là tổng số vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam;

IM là kim ngạch nhập khẩu;

\* Trường Đại học Thương Hải | Email: nhungvt3011@gmail.com



**BẢNG 1: MỨC ĐỘ GIẢI THÍCH CỦA MÔ HÌNH**

Model	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	.992 <sup>a</sup>	.984	.974	3.83908

**BẢNG 2: KẾT QUẢ HỒI QUY MÔ HÌNH**

	Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	Thống kê t	Sig.
	Hệ số	Sai số chuẩn			
Hằng số	27.685	2.482		11.154	.000
FDI	-9.389E-7	.000	-.026	-.422	.684
GDP	2.154E-11	.000	1.116	2.174	.061
IM	-1.198	.404	-2.240	-2.968	.018
EX	1.165	.217	2.119	5.365	.001
ZC	-2.137	3.397	-.033	-.629	.547

EX là kim ngạch xuất khẩu;  
GDP là tổng sản phẩm quốc nội Việt Nam;  
ZC là chính sách tài chính Việt Nam.

Số liệu chọn lựa cho tất cả các biến thu thập từ năm 2001-2014, trong giai đoạn này: Năm 2007 là năm Việt Nam chính thức gia nhập WTO; Năm 2010, Việt Nam ban hành Luật các Tổ chức tín dụng. Đây được coi như các mốc quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam, nên biến ZC được quy ước như sau:

$$ZC = \begin{cases} 1: \text{năm 2007, năm 2010} \\ 0: \text{các năm khác} \end{cases}$$

Sử dụng phương pháp đưa vào một lượt (Enter) để phân tích hồi quy giữa biến phụ thuộc (ZCC) và các biến độc lập (FDI, GDP, IM, EX, ZC). Kết quả cho thấy, giá trị hệ số R<sup>2</sup> là 0.984, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 98.4% (Bảng 1).

*Kiểm định hệ số hồi quy:*

Hệ số hồi quy (Bảng 2) của các biến GDP, IM và EX có Sig. lần lượt là 0.061, 0.018 và 0.001 < mức ý nghĩa 10% nên có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác là có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc ZCC là tổng số ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Trong khi đó, hệ số hồi quy (Bảng 2) của các biến FDI và ZC lần lượt là 0.684 và 0.547 > mức ý nghĩa 10% nên không có ý nghĩa thống kê, hay biến FDI và ZC không có ảnh hưởng đến biến được giải thích ZCC.

Phương trình hồi quy tuyến tính của các nhân tố ảnh hưởng tới sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam như sau:

$$ZCC = -0.026FDI - 2.240IM + 2.119EX + 1.116GDP - 0.033ZC$$

Từ kết quả trên, ta thấy: khi GDP, EX, IM biến động 1%, số lượng ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam biến động tương quan dương với GDP và EX lần lượt là 1.116% và 2.119%; biến động tương quan âm với IM là 2.240%.

Từ đó, chúng ta có thể đưa ra kết luận như sau:

(1) Lý luận "lợi thế địa điểm" (Location advantages) được kiểm nghiệm khá tốt tại Việt Nam: một trong những yếu tố quyết định trực tiếp đến sự xâm nhập của các ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam, là cơ hội thị trường của Việt Nam đang ngày càng mở rộng, biểu

hiện rõ nét nhất từ kết quả GDP ngày một tăng qua các năm, tỷ lệ thuận với sự gia tăng của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Kết quả này cũng cho thấy chiến lược chủ đạo của ngân hàng nước ngoài khi quyết định đầu tư vào một quốc gia: thông qua xâm nhập đối tượng là khách hàng thu nhập cao, tận dụng các sản phẩm dịch vụ có tính lợi nhuận cao để thu lợi cho mình.

(2) Xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt có tính tương quan dương và tương quan âm với số lượng ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam. Khi IM biến động 1%, ZCC biến động tương quan âm với mức độ khá cao, đạt 2.240%, điều này về mặt lý thuyết có vẻ không hợp lý, vì kim ngạch nhập khẩu tăng thể hiện giao dịch giữa Việt Nam và nước ngoài tăng, từ đó dẫn đến việc gia tăng ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam. Tuy nhiên, xét về thực tế, tác giả lý giải hiện tượng này có hai nguyên nhân cơ bản:

*Thứ nhất*, các ngân hàng trong nước với thời gian hoạt động lâu dài, kinh nghiệm với môi trường trong nước và một hệ thống dịch vụ quốc tế hoàn thiện đã đáp ứng được nhu cầu nguồn vốn nhập khẩu của các doanh nghiệp nước ngoài.

*Thứ hai*, ngân hàng nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam khá muộn (từ năm 1990), phạm vi hoạt động còn hạn chế, thị phần còn ít, chủ yếu hướng tới đối tượng khách hàng cao cấp, vì thế khách hàng Việt Nam sẽ chọn lựa các ngân hàng trong nước đã hợp tác lâu dài trước đó thay vì chọn một đối tác mới như ngân hàng nước ngoài.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu có ảnh hưởng tương quan âm, tuy nhiên, xét về mặt tổng thể: cùng với sự gia tăng của kim ngạch xuất - nhập khẩu, sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam vẫn có xu hướng gia tăng qua từng năm. Điều này chứng tỏ, thúc đẩy thương mại đối ngoại là một trong những nhân tố quan trọng thu hút đầu tư từ các ngân hàng nước ngoài.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Theo kết quả thực nghiệm đã thực hiện, bài viết đưa ra kết luận: trong các nhân tố quyết định đến sự xâm nhập của ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam, cơ hội thị trường (GDP) và thương mại đối ngoại (xuất - nhập khẩu) được coi là những nhân tố chính, có ảnh hưởng trực





tiếp nhất. Kết quả này cũng trùng hợp với nhiều nghiên cứu của các tác giả, như: Brealey, Kaplanis (1996), Claudia M. Buch (1999), Guo Song (2013)... Mặc dù kết quả thực nghiệm về chính sách tài chính ZC không hiển thị, nhưng tác giả cho rằng, việc nới lỏng quy định của chính sách tài chính, tạo thị trường mở hơn nữa sẽ giúp thu hút nhiều hơn nữa các ngân hàng nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Trong thời kỳ kinh tế hội nhập như hiện nay, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, việc thu hút ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam là một xu hướng tất yếu và đem lại những ảnh hưởng tích cực. Qua kết quả và đánh giá ở trên, tác giả đưa ra những kiến nghị để thu hút ngân hàng nước ngoài đầu tư vào Việt Nam như sau:

*Một là*, tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế trong nước, nới lỏng hàng rào thuế quan và cơ chế mở cửa cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, đem đến cơ hội thị trường rộng mở cho các ngân hàng nước ngoài; ngoài Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, phát triển các khu vực kinh tế, du lịch trọng điểm trên khắp cả nước, thu hút người nước ngoài đến làm việc, du lịch để ngân

hàng nước ngoài có thể mở rộng phạm vi hoạt động. Đồng thời gia tăng thương mại đối ngoại, chứng tỏ sự hội nhập và tiềm lực kinh tế của Việt Nam trên trường quốc tế, giúp ngân hàng nước ngoài nhận thấy cơ hội phát triển khi đầu tư vào Việt Nam.

*Hai là*, hoàn thiện chính sách tài chính: đối với ngân hàng nước ngoài, Chính phủ cần đưa ra các chính sách phù hợp để các ngân hàng nước ngoài đến Việt Nam, song cần chú ý các bước quản lý, kiểm soát hợp lý để không ảnh hưởng xấu đến toàn hệ thống ngân hàng. Các chính sách khuyến khích ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam có thể kể đến như: hạ thấp yêu cầu về mức vốn đăng ký, cho phép các ngân hàng nước ngoài được kinh doanh với phạm vi rộng và đa dạng. Cùng với đó, Chính phủ cần xây dựng hệ thống quản lý rủi ro, tạo môi trường an toàn cho ngân hàng nước ngoài cũng như toàn bộ hệ thống ngân hàng Việt Nam phát triển vững mạnh. □

#### **Abstract:**

*On the basis of theories from previous studies about motivation for the entry of foreign banks into a country, the paper conducts an empirical study of factors influencing the investment decision of foreign banks into Vietnam. From there, it makes some recommendations for Vietnam's policy makers.*

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Dunning, J. H (1973). *The determinants of international production*, Oxford Economic papers, 1973, 25
2. Janek Uiboupin (2005). *Short-term effects of foreign bank entry on bank performance in selected CEE countries*, Bank of Estonia Working Papers
3. Zhang Hong Jun (2009). *Foreign Bank: Entry and Regulation*, Theoretical and Empirical Study Based on Chinese Market
4. Brealey, R. A, E C Kaplanis (1996). The determination of foreign banking location, *Journal of International Money and Finance*